

Số: 430/BVSN-KD

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 8 năm 2023

V/v mời chào giá hóa chất, vật tư, môi trường sử dụng trong hỗ trợ sinh sản của Bệnh viện Sản nhi tỉnh Quảng Ninh

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hóa chất, vật tư, môi trường sử dụng trong hỗ trợ sinh sản của Bệnh viện Sản nhi tỉnh Quảng Ninh thuộc dự toán Mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm năm 2023-2024 của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
 - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Anh Tuấn, Phó khoa – Phụ trách khoa Dược, SĐT: 0915.694.888, email: duocsannhi@gmail.com.
 - Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
 - Nhận qua email: duocsannhi@gmail.com.
 - Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15h ngày 03 tháng 8 năm 2023 đến trước 17h ngày 14 tháng 8 năm 2023.
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Môi trường chuẩn bị tinh trùng	Môi trường đệm bicarbonate và đệm HEPES chứa Albumin huyết thanh người; pH (tại +37°C và 5% CO ₂): 7,35 ± 0,10; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 290 ± 5; Mức độ tiết trùng: Đạt - Không có bằng chứng tăng trưởng của vi sinh; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25; Thử nghiệm trên phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80; Thử nghiệm trên phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi trong vòng 96 giờ): Đạt; Lọ ≥ 30ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Lọ	50
2	Môi trường đông lạnh tinh trùng	Môi trường đệm bicarbonate và đệm HEPES chứa Albumin huyết thanh người; pH (tại +37°C và 5% CO ₂): 7,35 ± 0,10; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 290 ± 5; Mức độ tiết trùng: Đạt - Không có bằng chứng tăng trưởng của vi sinh; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25; Thử nghiệm trên phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80; Thử nghiệm trên phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi trong vòng 96 giờ): Đạt; Lọ ≥ 30ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	5
3	Môi trường rửa dụng cụ và làm sạch cổ tử cung	Dung dịch muối đệm bicarbonate; pH (tại +37°C và 6% CO ₂): 7,30 ± 0,10; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5; Mức độ tiết trùng: Không có bằng chứng tăng trưởng của vi sinh; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): Không có sự khác biệt về thống kê; Lọ ≥ 125ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	160
4	Môi trường thao tác trứng chứa HAS	Dung dịch đệm bicarbonate chứa Albumin huyết thanh người; pH (tại +37°C và môi trường xung quanh): 7,27 ± 0,07; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5; Mức độ tiết trùng: Không có bằng chứng tăng trưởng của vi sinh; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): Đạt; Lọ ≥ 125ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	5

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
5	Môi trường thao tác trứng chứa albumin huyết thanh người	Dùng làm môi trường để thao tác với noãn và phôi trong kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Là môi trường đệm MOPS có chứa huyết thanh người. Mức độ đảm bảo tiệt trùng (lọc tiệt trùng): Không có sự phát triển của vi sinh vật. Nội độc tố (LAL) [EU/mL]: < 0.25. Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) [% tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ nuôi]: ≥ 80 . Lọc ≥ 30 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	85
6	Môi trường thụ tinh	Môi trường đệm bicarbonate chứa Albumin huyết thanh người; pH (tại +37°C và môi trường 6% CO ₂): $7,30 \pm 0,10$; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5 ; Mức độ tiệt trùng: Không có bằng chứng tăng trưởng của vi sinh; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) số lượng túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ): ≥ 80 ; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (% tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ): Đạt; Lọc ≥ 60 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	220
7	Môi trường chuyển phôi	Môi trường để chuyển phôi. Dung dịch đệm bicarbonate có chứa Hyaluronan và Albumin huyết thanh người. pH (tại +37°C và môi trường 6% CO ₂): $7,30 \pm 0,10$; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5 . Mức độ tiệt trùng: Không có bằng chứng tăng trưởng của vi sinh; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25. Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80 ; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): đạt. Lọc ≥ 10 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	1
8	Môi trường cố định và cô lập tinh trùng	Môi trường cố định và cô lập tinh trùng trước khi làm ICSI; Dung dịch xử lý nhớt tinh trùng chứa albumin người tái tổ hợp và PVP; Mức độ tiệt trùng: Không có bằng chứng tăng trưởng của vi sinh; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25; Thử nghiệm phục hồi vận động tinh trùng người cho ICSI: $\geq 40\%$ di động ban đầu; Đánh giá bằng kính hiển vi: ĐẠT. Hộp $\geq 5 \times 0,1$ ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	32
9	Môi trường nuôi phôi liên tục	Môi trường nuôi cấy phôi từ khi thụ tinh đến giai đoạn túi phôi; Môi trường đệm bicarbonate chứa Hyaluronan và Albumin huyết thanh người; - pH (tại +37°C và 6% CO ₂): $7,30 \pm 0,10$; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 270 ± 5 ; - Mức độ tiệt trùng: Không có bằng chứng tăng trưởng của vi sinh; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25; Thử nghiệm phôi	Lọ	85

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80 ; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): ĐẠT; Lọ ≥ 30 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.		
10	Môi trường phủ đĩa nuôi cấy	Dùng để phủ lên môi trường trong suốt quá trình thụ tinh trong ống nghiệm và các quá trình vi thao tác. Dầu khoáng parafin, đã lọc tiệt trùng. Mức độ đảm bảo tiệt trùng (lọc tiệt trùng): Không có sự phát triển của vi sinh vật. Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: $<0,25$. Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80 . Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): Đạt. Lọ ≥ 100 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	200
11	Dung dịch chứa Hyaluronidase	Dung dịch dùng để loại bỏ tế bào cumulus; Đệm muối sinh lý chứa Hyaluronidase và Albumin huyết thanh người; pH (tại $+37^{\circ}\text{C}$ và môi trường xung quanh): $7,27 \pm 0,07$; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5 ; Mức độ tiệt trùng: ĐẠT. Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: $< 0,5$; Thử nghiệm loại bỏ tế bào cumulus: ĐẠT Hộp $\geq 5 \times 0,1$ ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	80
12	Kim tiêm trứng có đầu nhọn góc 35°	Đường kính trong: 4-5,5 μm . Chiều dài đầu tip: 17-20 μm . Chiều dài kim: 55-65 mm, góc 35° . Phần đuôi được đánh bóng bằng nhiệt. Được thử nghiệm độ nhạy MEA. Cạnh xiên sắc, đầu nhọn dài. Vuốt nhọn ở đầu và mở rộng về sau để làm giảm tổn thương cho trứng. Chiều dài uốn cong 500 μm . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	600
13	Kim giữ phôi có đầu nhọn góc 35°	Đường kính trong: 20-30 μm ; Đường kính ngoài: 110-130 μm ; Chiều dài kim: 50-60 mm, góc 35° ; Vật liệu: thủy tinh borosilicate tránh bị tắc dầu bên trong; Phần đuôi được đánh bóng bằng nhiệt; Bề mặt phẳng với cạnh nhẵn cho phép cố định trứng và phôi mà không gây tổn thương chúng trong quá trình tiêm; Kiểm nghiệm MEA-test. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.040
14	Kim sinh thiết phôi góc 35° , đường kính trong 30 μm	Đường kính trong: 30 μm , góc 35° . Cạnh nhẵn mịn, 2 thành kim song song, phần đầu được đánh bóng bằng nhiệt. Được thử nghiệm MEA. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	510
15	Kim sinh thiết phôi góc 35° ,	Đường kính trong: 25 μm , góc 35° . Cạnh nhẵn mịn, 2 thành kim song song, phần đầu được đánh bóng bằng nhiệt. Được thử	Cái	170

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	đường kính trong 25 µm	nghiệm MEA. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương		
16	Kim chọc hút trứng	Gồm 1 nòng, đầu kim có 3 cạnh vát. Chiều dài kim: 300 mm. Đường kính ngoài / trong: 1,5 / 1,2 mm. Nối với bơm tiêm bằng khóa Leur. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.900
17	Đĩa nuôi cấy 5 giếng	Dùng để tách bào tương trứng trước khi làm ICSI, nuôi cấy và đông lạnh. Gồm 5 giếng. Vật liệu polystyrene. Truyền nhiệt tối ưu: dưới đáy hoàn toàn bằng phẳng với độ tiếp xúc 100% trên từng đĩa đơn và trên mọi loại đĩa. Kiểm nghiệm MEA-test. Khử trùng bằng chiếu xạ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	3.900
18	Đĩa nuôi cấy vi giọt 12 giếng	Dùng để nuôi cấy phôi. Gồm 12 vi giếng tối ưu cho các giọt từ 25-30 µl. Vật liệu polystyrene. Khử trùng bằng chiếu xạ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	800
19	Đĩa nuôi cấy Φ40 mm	Dùng để lấy trứng, thụ tinh và nuôi cấy. Đường kính ngoài: 40 mm. Vật liệu polystyrene. Được kiểm nghiệm MEA-test. Khử trùng bằng chiếu xạ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	3.000
20	Đĩa thu trứng 90mm	Đường kính ngoài: 90 mm; Vật liệu polystyrene được kiểm nghiệm USP cấp VI; Truyền nhiệt tối ưu: dưới đáy hoàn toàn bằng phẳng với độ tiếp xúc 100% trên từng đĩa đơn và trên mọi loại đĩa; Khử trùng bằng chiếu xạ; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.200
21	Dụng cụ chứa cọng trữ phôi	Đet dài 140 mm; có 7 màu để phân biệt. Khả năng chứa cọng trữ phôi: 3 cọng 0,5 ml (không que), 8 cọng 0,25 ml (không que), 3 cọng 90 mm (có que). Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.500
22	Đĩa ICSI	Đĩa có dạng hình vuông và mặt nghiêng thấp cho phép tiếp cận dụng cụ nuôi cấy dễ dàng; Truyền nhiệt tối ưu: dưới đáy hoàn toàn bằng phẳng với độ tiếp xúc 100% trên từng đĩa đơn và trên mọi loại đĩa; Vật liệu polystyrene được kiểm nghiệm USP cấp VI; Khử trùng bằng chiếu xạ, mức độ an toàn tiệt trùng 10 ⁻⁶ ; Kiểm nghiệm MEA-test, Đạt tiêu chuẩn CE. ISO 13485;	Cái	800
23	Catheter chuyển phôi khó 2 nòng	Catheter chuyển phôi khó gồm có 2 ống: 1 ống chuyển phôi linh hoạt có phần gốc được làm cứng ở đầu gốc, để dễ điều khiển hơn, có gắn sẵn một dây dẫn hướng. 1 vỏ bọc dẫn đường tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi qua tất cả các cấu trúc cổ tử cung. Một dây dẫn hướng dễ uốn để làm cong vỏ bọc dẫn	Cái	1.000

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		đường. Chiều dài catheter:: 22cm. Đường kính trong : 1,15mm. Đường kính ngoài : 1,60mm Vỏ bọc dẫn đường: dài 14,5cm; đường kính ngoài: 2,2mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương		
24	Dụng cụ chuyển phôi huỳnh quang toàn thân	1 ống bọc ngoài dài 180 mm, đường kính ngoài 2,20 mm với 2 điểm đánh dấu ở vị trí 5,5 cm và 6,5 cm; 1 thanh kim loại được phủ bằng Polyethylene; 1 catheter chuyển phôi siêu mỏng, được hỗ trợ ở đầu gần giúp cho việc xử lý dễ dàng hơn; Chiều dài catheter: 22,7cm. Đường kính trong: 0,6 mm, đường kính ngoài: 1 mm; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.000
25	Môi trường chọn lọc tinh trùng	Dùng phân loại tinh trùng theo phương pháp gradient. Dung dịch đệm bicarbonate và HEPES chứa các hạt keo silica phủ silane. Nội độc tố (LAL) [EU/mL]: < 0.5. Thử nghiệm độ hồi phục của tinh trùng (tỷ lệ phục hồi sau khi phân loại gradient) % : ≥ 25 . Kit $\geq 2 \times 30$ ml . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Kit	20
26	Môi trường đông trứng, phôi nhanh các giai đoạn	Môi trường đông lạnh nhanh phôi giai đoạn phân tách; Môi trường đệm MOPS; pH (tại +37°C và môi trường xung quanh): $7,30 \pm 0,10$; Mức độ tiết trùng: Không có bằng chứng tăng trưởng vi sinh; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,5; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80 ; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): ĐẠT (không có sự khác biệt về thống kê). Kit $\geq 3 \times 5$ ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	kit	50
27	Môi trường rã đông trứng, phôi nhanh các giai đoạn	Môi trường rã đông nhanh phôi giai đoạn phân tách; Môi trường đệm MOPS; pH (tại +37°C và môi trường xung quanh): $7,30 \pm 0,10$; Mức độ tiết trùng: Không có bằng chứng tăng trưởng vi sinh; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,5; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80 ; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): ĐẠT; Kit $\geq 4 \times 5$ ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	kit	50
28	Môi trường hoạt hóa noãn	Thuốc thử đệm bicarbonate được dùng để khảo sát tế bào trứng của những cá thể thụ tinh không thành công sau các chu kỳ tiêm tinh trùng xâm nhập trước đó. Được dùng để điều tra xem sự thất bại của quá trình thụ tinh sau kỳ ICSI trước đó có phải là do sự kích hoạt tế bào trứng thiếu hụt hay không. Thành phần: NaCl, KCl, KH ₂ PO ₄ , MgSO ₄ , CaCl ₂ , Bicarbonate, EDTA,	Lọ	6

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Glucose, Lactate, Pyruvate, Non-essential and essential Amino Acids, Alanyl-Glutamine, Ca ²⁺ -Ionophore A23187, DMSO. Lọ ≥ 01ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương		
29	Môi trường nuôi cấy phôi từ ngày 1 đến ngày 5	Môi trường được thiết kế để thụ tinh và nuôi cấy phôi đến ngày thứ 5/6 trong quá trình phát triển phôi, Thành phần chứa: Muối & ions: Sodium Chloride, Potassium Chloride, Potassium Phosphate, Sodium Citrate, Canxi clorid, Magie sulfat; Nguồn năng lượng: Glucose, Pyruvate, Lactate. Đệm: Sodium Bicarbonate. Kháng sinh: Gentamicin sulfate. Khác: EDTA, Hydrochloric Acid. 20 loại amino acids. Mỗi lô được kiểm tra: Nội độc tố (LAL)<0,25 EU/ml; MEA≥80% phôi nang phát triển trong 96 giờ. Tỷ lệ sống sót của tinh trùng người (HSSA)≥70% độ di động ban đầu sau 24 giờ. Bảo quản: 2 - 8 độ C, không được đông lạnh và làm ấm hơn 39 độ C. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	4
30	Môi trường tách noãn	Dung dịch sẵn sàng sử dụng được thiết kế để tạo sự thuận lợi cho việc tách các tế bào viên. Hyaluronidase phân giải các hỗn hợp tế bào ngoại vi trong phức hợp tế bào viên – noãn bào bởi hyaluronic acid. Thành phần: NaCl, KCl, NaH ₂ PO ₄ MgSO ₄ , CaCl ₂ , Bicarbonate, HEPES, Glucose, Lactate, Pyruvate, Human Serum Albumin, Pharmaceutical grade hyaluronidase from bovine orig. Lọ ≥ 5ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	2
31	Môi trường lọc rửa tinh trùng dùng CO ₂	Môi trường sẵn sàng sử dụng được thiết kế cho tất cả các quá trình chuẩn bị tinh trùng của con người, rửa tinh trùng, kỹ thuật bơi và ly tâm gradient cũng như cho mô tinh hoàn. Thành phần: NaCl, KCl, KH ₂ PO ₄ , MgSO ₄ , CaCl ₂ ; Bicarbonate, HEPES, EDTA; Glucose, Lactate, Pyruvate; Non-essential and essential Amino Acids, Alanyl-Glutamine; Human Serum Albumin, Gentamicin, Phenolred. Lọ ≥ 50ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	2
32	Môi trường ICSI PVP	Môi trường sẵn sàng sử dụng để giảm độ di động của tinh trùng làm dễ dàng hơn để bắt chúng vào ICSI pipette . Có thể pha loãng PVP với môi trường thao tác tinh trùng đệm HEPES. Thành phần: NaCl, KCl, NaH ₂ PO ₄ , MgSO ₄ , CaCl ₂ , Bicarbonate, HEPES, Glucose, Lactate, Pyruvate, Human Serum Albumin, Polyvinylpyrrolidone. Hộp ≥ 5 x 0.2 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	3
33	Môi trường lọc	Môi trường pH: 7,20 - 7,90. Đóng gói Kit ≥ 2 x 100ml. Đạt tiêu	Kít	13

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	tinh trùng	chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.		
34	Môi trường đông phôi	Thành phần chứa: Modified HEPES Buffered MEM; Hydroxy Propyl Cellulose; Ethylene Glycol; Dimethyl Sulfoxide; Endotoxin free Trehalose. Dùng cho 3 lần đông. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Kit	660
35	Môi trường rã đông phôi	Bộ môi trường rã đông được sử dụng trong lab hỗ trợ sinh sản để rã đông phôi, trứng. Thành phần chứa: Modified HEPES Buffered MEM; Hydroxy Propyl Cellulose; Endotoxin free Trehalose. Dùng cho 5 lần rã đông. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Kit	820
36	Dụng cụ bơm tinh trùng vào tử cung	Chiều dài: 230 ± 2 mm; Đường kính ngoài: $2 \pm 0,05$ mm; Thể tích tối thiểu: 0,080 ml; Đầu tip trơn với 1 lỗ ở đầu xa không gây tổn thương; Giữ kim dạng khóa luer phù hợp và kết nối an toàn với bơm tiêm; Kiểm nghiệm MEA-test và LAL-test; Khử trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	300
37	Kim giữ noãn	Micropipet Holding(giữ kim)được sử dụng để giữ noãn bào hoặc phôi bào. Các micropipet Holding tiêu chuẩn được điều chế từ ống thủy tinh borosilicat (OD 1 mm, ID 0,75 mm), tổng chiều dài 5,5 cm, lỗ đánh bóng, chiều dài tay đòn 0,9 mm, góc uốn $20^\circ - 40^\circ$. Chúng có thể được đặt hàng với 3 kích thước khác nhau OD nhỏ 80 μm , O.D trung bình. 100 μm và O.D lớn 120 μm . Vừa và nhỏ đã đánh bóng việc mở I.D. 15-20 μm , kích thước lớn có I.D. 25 μm . Micropipet được làm dạng eo hoặc có góc uốn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	26
38	Kim tiêm tinh trùng vào bào tương trứng	Microipet ICSI (Intracytoplasmic Sperm Injection) được sử dụng để hút và tiêm tinh trùng trực tiếp vào tế bào trứng. Micropipet ICSI tiêu chuẩn được điều chế từ ống thủy tinh borosilicat (OD 1 mm, ID 0,78 mm), tổng chiều dài 5,5 cm, góc uốn $20^\circ - 35^\circ$ với chiều dài tay đòn 0,9 mm, vát 35° , với I.D của đầu tip 4,5-5 μm . Micropipet được làm có hoặc không có mũi nhọn, có rãnh hoặc có góc uốn và vát $30^\circ - 40^\circ$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	500
39	Cọng trữ trứng, phôi	Dụng cụ trữ lạnh cho tế bào trứng và phôi noãn của người. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	5.000
40	Catheter chuyển phôi	Dùng cho chuyển phôi khó, gồm 2 phần: catheter hướng dẫn (A) và catheter chuyển phôi (C); Chiều dài: (A): 200 ± 2 mm, (C): 266 ± 2 mm; Đường kính ngoài: (A): $2,20 \pm 0,05$ mm, (C):	Cái	900

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		1±0,05 mm; Thể tích/ Thể tích tối thiểu (C): 0,21 ml/0,069 ml; Bầu tulip: 3 mm; Đầu tip có thể dễ dàng đi vào cổ tử cung mà không gây tổn thương; Kết hợp catheter bên trong tử cung mềm và linh hoạt với catheter ở cổ tử cung cứng có chức năng ghi nhớ (các điểm đánh dấu); Giữ kim dạng khóa luer phù hợp và kết nối an toàn với bơm tiêm; Có thanh kim loại hỗ trợ cho catheter chuyên (C) để kiểm soát tối ưu; Kiểm nghiệm MEA-test và LAL-test; Được khử trùng bằng chiếu xạ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.		
41	Dung dịch vệ sinh tủ cấy	Dùng để khử trùng bề mặt kim loại như tủ CO2, tủ thao tác, các thiết bị trong IVF Lab. Đã được thử nghiệm MEA. An toàn, không độc, Không độc hại, không cồn, không mùi không gây ảnh hưởng đến phôi trứng. Dễ sử dụng, không pha loãng nước. Hiệu quả phòng chống lại bệnh viêm gan B, HIV, rotavirus trong vòng 1 phút, mycobacterium trong vòng 5 phút và vi khuẩn, nấm (candida) trong vòng 15 phút. Bình ≥ 5 lít. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bình	5
42	Dung dịch vệ sinh sàn	Không chứa cồn. Pha loãng nước với tỷ lệ 10 ml chất khử trùng với 0,5 lít nước. Diệt khuẩn, diệt nấm (candida), algacide và selevtively virucide. Trung hòa vi khuẩn gây ra mùi hôi, khả năng tương thích làn da đẹp, không vết. Hòa tan vết máu khô và không chứa bất kỳ hợp chất độc hại dễ bay hơi cao nên được sử dụng trong các phòng thí nghiệm khép kín mà không có đủ thông gió. Tương thích với kim loại, nhựa, cao su và gỗ. Bình ≥ 2 lít. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bình	1
43	Lọc khí CO2	Cấu tạo bộ lọc không có thành phần hóa chất. Bộ lọc khí hình trụ tròn chức năng lọc triệt để các khí VOCs, CACs, vi khuẩn, các loại mùi, bụi, các hợp chất hóa học không gây hại và các phần tử hạt bụi nhỏ. Bộ lọc với than hoạt tính tinh khiết và màng lọc PTPE 0.2μ giúp loại bỏ tối đa vi khuẩn và lọc có hiệu quả 10 cfu/cm2. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	12
44	Hộp nuôi cấy 4 giếng	Diện tích nuôi cấy: 1,9cm2. Đường kính: 66mm, chiều cao: 66mm. Xử lý bề mặt. Có chứng nhận cho mỗi lô hàng: Vô trùng (SAL 10-6), Không chứa nội độc tố, Kiểm tra MEA và HSSA. Quy cách: thùng ≥ 120 cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Thùng	4
45	Hộp nuôi cấy 35 mm	Diện tích nuôi cấy: 8,8 cm2. Đường kính: 35 mm, chiều cao: 11 mm. Không xử lý bề mặt. Chứng nhận sự phù hợp có sẵn cho mọi lô hàng: Vô trùng (SAL 10-6). Không chứa nội độc tố.	Thùng	2

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Kiểm tra MEA và HSSA. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương		
46	Đĩa Petri nhỡ 1 lòng	Mục đích sử dụng chung: Để kiểm tra các mẫu vật, bao gồm cả máu và mô hiển tạng, có nguồn gốc từ cơ thể người. Mục đích sử dụng cụ thể: Hỗ trợ nuôi cấy tế bào khối lượng lớn và quan sát sự phát triển của tế bào dưới kính hiển vi. Ngăn sản phẩm: 1. Dung tích: 105 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	250
47	Đĩa Petri nhỡ 2 lòng	Có giá để cọng đông phôi. Test thử nghiệm trên phôi chuột: MEA \geq 80% Blastocyst. Test thử nghiệm độc tố: LAL $<$ 0,03 EU/ml. Test thử nghiệm độ vận động của tinh trùng: SMI \geq 0,75. Rất trong, rõ, sáng khi soi dưới kính hiển vi. Dẫn nhiệt rất tốt khi để trên đĩa nhiệt. Dung tích: Giếng 1: 3 ml; Giếng 2: 10 ml. Kích thước đĩa: Chiều sâu: 59 mm; Chiều cao: 15 mm. Được tiệt trùng với tia Gamma từng túi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	620
48	Đĩa nuôi cấy 60mm	Diện tích nuôi cấy: 21,5 cm ² . Đường kính: 54 mm, chiều cao: 14 mm. Không xử lý bề mặt. Chúng nhận sự phù hợp có sẵn cho mọi lô hàng: Vô trùng (SAL 10 ⁻⁶). Không chứa nội độc tố. Kiểm tra MEA và HSSA. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Thùng	1
49	Bơm tiêm 10 ml chọc trứng	Cỡ bơm: 10 ml. Đầu trượt, lệch tâm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	22.000
50	Bơm tiêm 3 nắp 1ml	Nguyên liệu Polypropylene, bằng nhựa cao cấp, trong suốt, thể tích chính xác, chia vạch rõ ràng, dễ rút và bơm thuốc, đảm bảo không rò rỉ, kim bén, độ an toàn cao, chịu áp lực cao, tiệt trùng, không gây độc, không tác dụng phụ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	2.000
51	Ống nghiệm tiệt trùng 5 ml.	Để kiểm tra các mẫu vật, bao gồm cả máu và mô hiển, có nguồn gốc từ cơ thể người. Hỗ trợ sử dụng nội tiết tố, kiểm tra và chẩn đoán vô sinh có hoặc không có khí. Dung tích 5ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Ống	2.500
52	Ống nghiệm tiệt trùng 14 ml.	Để kiểm tra các mẫu vật, bao gồm cả máu và mô hiển, có nguồn gốc từ cơ thể người. Hỗ trợ thu thập mẫu dưới áp suất âm hoặc sử dụng các phương pháp thông thường nhằm mục đích kiểm tra mẫu sau khi thu thập về ảnh hưởng của nhiệt độ đối với mẫu. Dung tích 14ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Ống	3.500

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
53	Ống ly tâm tiệt trùng 15 ml.	Để kiểm tra các mẫu vật, bao gồm cả máu và mô hiến, có nguồn gốc từ cơ thể người. Hỗ trợ trong quá trình ly tâm mẫu và kiểm tra sau khi ly tâm. Dung tích 15ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Ống	1.800
54	Pipette hút mẫu 1ml tiệt trùng đơn chiếc.	Dung tích: 1ml; bằng nhựa, đạt các tiêu chuẩn không gây độc tế bào. Tiệt trùng từng cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	15.000
55	Pipette Pasteur tiệt trùng	Được đóng gói và tiệt trùng. Chiều dài: 150 mm. Đường kính bên ngoài: từ 6,8 – 7,1 mm. Độ dày của lớp thủy tinh: từ 0,5 – 0,53 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	11.000
56	Pipette tiệt trùng 10 ml	Pipette được làm bằng Polystyrene. Là loại pipette hút mẫu được đóng gói và tiệt trùng riêng từng chiếc. Dung tích pipette: 10 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	7.500
57	Đầu tip tiệt trùng đơn chiếc 2μl-200 μl	Đầu tip được tiệt trùng và đóng gói riêng từng chiếc. Dung tích hút mẫu: từ 2 – 200 μl. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	8.000
58	Bao cao su dùng cho đầu dò máy siêu âm để lấy noãn	Là loại bao cao su chuyên dụng dùng cho vệ cho đầu dò siêu âm. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.900
59	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu PRP	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu PRP gồm 1 ống KIT 22ml có chứa gel và chất chống đông MNC7. Quá trình chuẩn bị nhanh chóng và đơn giản trong thời gian quay 10 phút đến 20 phút. Bảo quản tube ở nhiệt độ 4-25°C. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	60
60	Găng tay không bột chuyên dùng cho hỗ trợ sinh sản	Găng tay không bột, tiệt trùng, dùng trong phẫu thuật. Được sản xuất từ mũ cao su chất lượng cao. Không có bột bôi trơn. Chiều dài tối thiểu 280mm. Bề rộng lòng bàn tay: Size 5.5: 72 +/-4 mm; Size 6.0: 77 +/-5 mm; Size 6.5: 83 +/- 5 mm; Size 7.0: 89 +/- 5 mm; Size 7.5: 95 +/- 5 mm; Size 8.0: 102 +/- 6 mm; Size 8.5: 108 +/- 6 mm; Size 9.0: 114 +/- 6 mm. Độ dày các ngón tay 0.1 +/- 0.02 mm, lòng bàn tay 0.1 +/- 0.02 mm và cổ tay là 0.1 +/- 0.02mm. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Đôi	4.200

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Vận chuyển và lắp đặt tại khoa Hỗ trợ sinh sản – Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt giao hàng, sau khi bên mua nhận được đầy đủ chứng từ, biên bản bàn giao và nghiệm thu.

Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Nt; SYTON (dăng tải)
- Lưu: VT, KHTH.

GIÁM ĐỐC



Bùi Minh Cường

PHỤ LỤC
BÁO GIÁ



Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật cơ bản	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (VAT) (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền(11) (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Thiết bị A										
2	Thiết bị B										
3											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))